TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THANH HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 85/2022/QĐST - HNGĐ	*TP.Thanh Hóa, ngày 26 tháng 01 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 99/2021/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2021 về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn; gồm người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị Vũ Thị T - Sinh năm: 1980.

2. Anh Trần Quốc T - Sinh năm: 1971.

Cùng địa chỉ: Đường S, phường V, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 18 tháng 01 năm 2022, các đương sự đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ việc dân sự, nội dung cụ thể như sau:

[1] Về hôn nhân: Chị Vũ Thị T và anh Trần Quốc T kết hôn năm 2004, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố H. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm cách sống của hai người không hợp, nên vợ chồng không có tiếng nói chung. Nay anh, chị đều xét thấy tình cảm không còn mục đích hôn nhân không đạt yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật nên công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị T và anh Trần Quốc T.

[2] Về con chung: Chị Vũ Thị T và anh Trần Quốc T thống nhất vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Bảo T sinh ngày 10/01/2006 và cháu Trần Xuân M sinh ngày 16/3/2012.

Ly hôn anh, chị thống nhất việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con như sau:

Giao cả hai cháu Trần Bảo T và cháu Trần Xuân M cho anh Trần Quốc T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Vũ Thị T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.000.000đ/1tháng/1cháu (cụ thể 02 cháu = 2.000.000đ/1 tháng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02/2022 cho đến khi cả hai cháu thành niên.

[3] Về tài sản, công nợ chung: Chị T và anh T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh, chị thỏa thuận chị T chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm theo qui định.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị T và anh Trần Quốc T.

- *Về con chung:* Chị Vũ Thị T và anh Trần Quốc T thống nhất vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Bảo T sinh ngày 10/01/2006 và cháu Trần Xuân M sinh ngày 16/3/2012.

Ly hôn anh, chị thống nhất việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con như sau:

Giao cả hai cháu Trần Bảo T và cháu Trần Xuân M cho anh Trần Quốc T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Vũ Thị T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.000.000đ/1tháng/1cháu (cụ thể 02 cháu = 2.000.000đ/1 tháng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02/2022 cho đến khi cả hai cháu thành niên.

Chị Thủy có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm.

- *Về tài sản, công nợ chung:* Chị Vũ Thị T và anh Trần Quốc T không yêu cầu tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Vũ Thị T chịu 300.000đ lệ phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2021/0001571 ngày 27/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa (chị T đã nộp đủ lệ phí).

Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7B và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP H;
- UBND phường V, TPH
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Lan Anh